

BẢN TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA
(Kèm theo Tờ trình số 09/TTr-VNTB ngày 05 tháng 8 năm 2019)

Giải thích:

- HĐQT: Hội đồng quản trị.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
- Luật DN: Luật doanh nghiệp 2014.
- Nghị định 71: Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính Phủ về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thông tư 95: Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính Phủ về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Nghị định 60: Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán.
- Thông tư 155: Thông tư số 155/2017/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 06/10/2015.
- Điều lệ mẫu: là Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính Phủ về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Các từ được gạch ngang thân (ví dụ: ~~abc~~) là nội dung được bỏ đi.
- Các từ được gạch dưới chân (ví dụ: abc) là nội dung được bổ sung.
- [...]: là ký hiệu biểu thị cho những nội dung không được trích dẫn từ Điều lệ hiện hành, do không bị sửa đổi, bổ sung.

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành (phiên bản 12/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
1.	Điều 1. Điều 1.1.	Chưa đề cập Điều 1.1.g: “g. Người quản lý công ty” là Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Công ty có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này”	Bổ sung một số khái niệm sau <u>L. “Công ty” là Công ty cổ phần thương mại và đầu tư VI NA TA BA;</u> <u>m. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.”</u> Sửa thành: “g. Người quản lý công ty” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Công ty có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này.	Các khái niệm khác được bổ sung vì trong Điều lệ có dẫn chiếu đến. Thay thế người đại diện để phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.
	Điều 1.1.j:	“j. Thời gian hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết”.	Sửa thành: “j. Thời gian hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết”.	Sửa đề phù hợp với Điều 2.6, Điều 48 của Điều lệ, theo đó vì thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn nên sẽ không có việc gia hạn thời hạn hoạt động
2.	Điều 2. Điều 2.3:	“3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, TP. Hồ Chí Minh. - Điện thoại: (028) 39560681 - Fax: (028) 39560682	Sửa thành: “3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, TP. Hồ Chí Minh Số 08 Đường Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. - Điện thoại: (028) 39560681 - Fax: (028) 39560681	Bổ sung phù hợp với Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày.../8/2019 (cập nhật sau - dự kiến ngày 09/8/2019 sẽ có giấy phép chính thức)

	<p>Điều 2.4: "4. Giám đốc là Đại diện theo pháp luật của Công ty"</p>	<p>Bổ sung: 4. <u>Giám đốc-Người đại diện theo pháp luật của Công ty</u> a. <u>Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</u> b. <u>Công ty có một người đại diện theo Pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u> c. <u>Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.</u> d. <u>Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác hoặc có ủy quyền cho người khác nhưng đã hết thời hạn ủy quyền trên 30 ngày hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u></p>	<p>Thay thế người đại diện để phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p>
	<p>Điều 2.6: Quy định về thời hạn hoạt động của Công ty: "6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập là 50 năm (mười năm)".</p>	<p>Sửa thành: "5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 8 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập là 50 năm (năm mươi năm) và là vô thời hạn".</p>	<p>Sửa để loại bỏ Nội dung đang mâu thuẫn trong chính Khoản này, vì công ty hoạt động vô thời hạn nên sẽ không có việc gia hạn hoạt động hoặc chấm dứt trước hạn.</p>
<p>3.</p>	<p>Điều 3.1 Bổ sung nội dung về ngành, nghề kinh doanh của Công ty:</p>	<p>Bổ sung nội dung: "Điều tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết".</p>	<p>Bổ sung để phù với thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>

4.	Điều 5	<p>“Điều 5.6 Cổ phần [...] Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông có phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá”</p> <p>Điều 5.8: “8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.”</p>	<p>Sửa thành: “6. Cổ phần phổ [...] Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá”.</p>	<p>Sửa và bổ sung theo Điều 124.3 Luật DN</p>
	<p>Chưa đề cập:</p>	<p>Sửa thành: “8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.”</p>	<p>Sửa thành: “8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.”</p> <p>Bổ sung nội dung sau: 9. “Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây: a. <u>Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.</u> b. <u>Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người báo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</u> c. <u>Cổ phần phát hành cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP), cổ phần phát hành riêng lẻ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các trường hợp phát hành khác. Mức chiết khấu trong các trường hợp này được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông từng thời điểm”.</u></p>	<p>Khái niệm chứng khoán bao gồm cả cổ phiếu và trái phiếu, nếu để nguyên từ “chứng khoán” thì được hiểu là mỗi khi phát hành bất kỳ chứng khoán nào cũng phải xin ĐHĐCĐ, như thế sẽ không phù hợp với quy định tại Điều 26.3.t của Điều lệ đang quy định (theo đó, trái phiếu không chứng quyền thì trái phiếu không kèm chứng quyền thì thẩm quyền quyết định thuộc HĐQT).</p> <p>Sửa trên cơ sở tham khảo Điều 125 Luật DN và tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản trị điều hành Công ty</p>

5.	Điều 6	<p>Thay khái niệm “<u>Chứng nhận cổ phiếu</u>”</p> <p>Điều 6.1. “<u>Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu</u>”</p> <p>Điều 6.2. “<u>Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp</u>”</p> <p>Thiếu khái niệm “<u>Cổ phiếu</u>”</p>	<p>Sửa thành “<u>Cổ phiếu</u>”</p> <p>Sửa thành “<u>Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu</u>”</p> <p>Xóa bỏ</p> <p>Bổ sung: “<u>Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp</u>”</p> <p>Sửa thành:</p> <p>“3. Trong thời hạn 15 45 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu số cổ phần phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu”</p>	<p>Thay khái niệm “<u>Chứng nhận cổ phiếu</u>” bằng “<u>Cổ phiếu</u>” vì hiện nay Luật doanh nghiệp không còn tồn tại khái niệm Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>Vì Công ty VI NA TA BA đã là công ty niêm yết, cho nên có thể Công ty sẽ không trực tiếp là bên phát hành các giấy tờ xác nhận quyền sở hữu cổ phần cho người sở hữu</p> <p>Bổ sung trên cơ sở căn cứ Điều 120 Luật DN</p> <p>Nên chi quy định một thời hạn cụ thể hoặc thời hạn quy định tại phương án phát hành để thống nhất áp dụng trên thực tế.</p>
	Điều 6.4	<p>“4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu số cổ phần đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra phân và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty”</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>“4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu số cổ phần đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty”</p>	<p>Thay khái niệm “<u>Chứng nhận cổ phiếu</u>” bằng “<u>Cổ phiếu</u>” vì hiện nay Luật doanh nghiệp không còn tồn tại khái niệm Chứng nhận cổ phiếu</p>

6.	Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.	Xóa toàn bộ và thay thế bằng: Điều 8. Chứng chỉ-khoán khác <i>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</i> <i>Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.</i>	Như đã giải thích ở trên, do Cty Vinataba đã là công ty niêm yết nên có thể Cty CP VI NA TA BA sẽ không trực tiếp phát hành các loại giấy tờ/chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu chứng khoán.
7.	Điều 9.4	“4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán”	Bổ sung: “4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp”	Bổ sung theo Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 95
8.	Điều 10	Điều 10.4 “Giám Đốc điều hành”	Sửa thành: Điều 10.4 “Giám Đốc điều hành”	Thay thế để phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.
9.	Điều 11	Điều 11.2.a. “Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa”	Sửa Điều 11.2.a thành: “Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hình thức khác do pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Công ty. Mọi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết”.	Sửa trên cơ sở phù hợp với Điều 114.1.a Luật Doanh nghiệp
	Điều 11.2.e:	“Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác”	Sửa Điều 11.2.e thành: “Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó trong Danh sách cổ đông đi từ các tham gia Đại hội đồng cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác”	Công ty phải có nghĩa vụ bảo mật các thông tin của cổ đông, do vậy, cổ đông chỉ được yêu cầu tra và yêu cầu chỉnh sửa thông tin của chính của cổ đông đó, không được tiếp cận thông tin các cổ đông khác.
	Chưa đề cập		Bổ sung Điều 11.3: “3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền <u>quyền</u> ứng cử/đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 33 Điều lệ này.”	Sửa theo Điều 114.2 Luật DN

	<p>Điều 11.3:</p> <p>“3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần trong công ty phải thông báo lên thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên [...];</p> <p>b. Xem xét [...];</p> <p>c. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e. Yêu cầu Ban kiểm soát [...];</p> <p>f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này”</p> <p>Chưa đề cập</p>	<p>Sửa Điều 11.3 như sau:</p> <p>3.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phải thông báo lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên [...];</p> <p>b. Xem xét [...];</p> <p>c. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra [...];</p> <p>f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>Sửa theo Điều 114.2 Luật DN</p>
<p>10.</p>	<p>Điều 11.4; 11.5; 11.6</p> <p>Điều 12.2:</p> <p>“2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông”</p>	<p>Bổ sung Điều 11.5:</p> <p><u>Cổ đông nước ngoài được phép sở hữu tới đa đến 100% vốn cổ phần của Công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác thấp hơn tỷ lệ trên.</u></p> <p>Sửa thành: 11.4.6; 11.5.7; 11.6.8</p> <p>Sửa thành:</p> <p>“2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại Đại Hội đồng cổ đông thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử”</p>	<p>Bổ sung phù hợp theo khoản 1.d của điều 2.a ND 60/2015/NĐ-CP</p> <p>Sửa để phù hợp với thứ tự sửa đổi</p> <p>Sửa theo Điều 140.2 Luật DN</p>

		Điều 12.7, Điều 12.8 (chưa đề cập)	Bổ sung: "7. Không thực hiện các hành vi gây tổn hại, ảnh hưởng, hoặc có nguy cơ gây tổn hại, ảnh hưởng cho Công ty. 8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này."	Bổ sung các nghĩa vụ của cổ đông phụ hợp với thực tế
11.	Điều 13	Điều 13.2. "Hội đồng quản trị [...] năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm."	Sửa Điều 14.2 thành: "Hội đồng quản trị [...] năm tài chính tiếp theo. <u>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trong yêu cầu, các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm giải thích các nội dung liên quan.</u> "	Bổ sung theo Điều 14.2 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95
		Điều 13.3.b: "Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ."	Sửa Điều 13.3.b thành: "Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số dư đầu kỳ."	Sửa theo Điều 14.3.b của Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 95
		Điều 13.3.c: "Khi số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ."	Sửa Điều 13.3.c thành: "Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này"	Sửa theo Điều 156.3.a (quy định về thời hạn triệu tập ĐHĐCĐ khi số thành viên HĐQT giảm quá 1/3), và Điều 136.4 (quy định về thời hạn triệu tập ĐHĐCĐ khi số thành HĐQT, BKS còn lại ít hơn so với quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của nhóm cổ đông thiểu số, Ban Kiểm soát) của Luật DN.
		Điều 13.3.d: "Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của một cổ đông có liên quan"	Sửa Điều 13.3.d thành: "Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải <u>đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành, phải được lập thành văn bản có nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan</u> "	Sửa để đáp ứng quy định của Luật DN và Điều 13.3.d Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 95

		<p>Điều 13.4.a:</p> <p>“a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13”</p>	<p>Sửa Điều 13.4.a thành:</p> <p>“a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14”</p>	<p>Căn cứ Điều 156.3.a (quy định về thời hạn triệu tập ĐHCĐ khi số thành viên HĐQT giảm quá 1/3), Điều 136.4 (Quy định về thời hạn triệu tập ĐHCĐ khi số thành HĐQT, BKS còn lại ít hơn so với quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của nhóm cổ đông thiểu số, Ban Kiểm soát) Luật Doanh nghiệp thì được lựa chọn một thời hạn chung là trong vòng 60 ngày.</p>
--	--	---	---	--

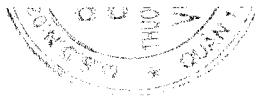
<p>12.</p>	<p>Điều 14</p> <p>“Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông”</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>h. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>“Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông”</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán [...] cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán để lập đề nghị quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại được quyền chào bán được cổ phần đổi với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; việc phát hành và chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty; các phương án khác làm thay đổi vốn điều lệ của Công ty;</p> <p>i. Quyết định việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm</p>	<p>- Điểm d, e, f Khoản 1 được sửa theo quy định của Điều 136.2.a, Điều 136.2.e và Điều 136.2.g của Luật DN.</p> <p>- Điểm c Khoản 2 được bổ sung vì việc quyết định số lượng thành viên BKS, HĐQT từng nhiệm kỳ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.</p> <p>- Điểm d Khoản 2 được bổ sung để thuận tiện cho thực tế vận hành doanh nghiệp và phù hợp với Điều 45.1 của Điều lệ.</p> <p>- Điểm f Khoản 2 được bổ sung vì theo Điều 167.1 Luật DN, các vấn đề liên quan đến thù lao của Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>- Điểm h Khoản 2 được sửa đổi cho phù hợp thực tế (Công ty đã qua thời hạn hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập) và làm rõ thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật hiện hành (các vấn đề về phát hành cổ phần, thay đổi Vốn điều lệ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ)</p> <p>- Điểm i Khoản 2 được bổ sung căn cứ theo Điều 14.2.a Nghị định 163/2018/NĐ-CP.</p> <p>- Điểm m,p Khoản 2, xóa cụm từ “các chi nhánh của Công ty” vì chi nhánh không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc vào Công ty; xóa cụm từ “được kiểm toán” tại cuối đoạn vì Điều 162 Luật DN chỉ quy</p>
------------	--	--	---

	<p>i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>k. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>l. Công ty mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán;</p> <p>m. Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều 14 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p>	<p><u>chứng quyền</u>;</p> <p>j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>l. Kiểm tra [...] Công ty;</p> <p>m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty.</p> <p>n. Công ty mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán một loại cổ phần đã phát hành;</p> <p>o. Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>q. Quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p> <p>r. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu biểu quyết trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua [...] hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết [...] cổ đông.</p>	<p>định là báo cáo tài chính, không yêu cầu phải được kiểm toán.</p> <p>- Bổ sung điểm i Khoản 2 theo quy định phát hành trái phiếu của ND 163/2018/ND-CP.</p> <p>- Xóa bỏ điểm o khoản 2 theo điều 12 của ND 71: Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám Đốc (Tổng Giám Đốc) của cùng 1 công ty đại chúng.</p> <p>- Điểm b Khoản 3 được sửa theo Điều 15.3.b Điều lệ mẫu.</p>
--	--	---	---

		<p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>		
13.	Điều 15.	<p>Điều 15.1: “Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 140 của Luật doanh nghiệp. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông. Tổ chức là cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tới đa ba người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông có phân phổ thông có quyền ủy quyền tới đa ba người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được quyền cho mỗi người đại diện.”</p>	<p>Sửa Điều 15.1 thành: “Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 140 của Luật doanh nghiệp. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông. Tổ chức là cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tới đa ba người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông là tổ chức có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được quyền cho mỗi người đại diện.”</p>	<p>Sửa căn cứ theo Điều 15.1 (người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải là cá nhân) và Điều 15.3 Luật Doanh nghiệp</p>
	Điều 15.4.	<p>Điều 15.4: “4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: [...]”</p>	<p>Sửa Điều 15.4 thành: “4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản Điều này, Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: [...]”.</p>	<p>Theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Bộ luật dân sự 2015, khi người ủy quyền chết hoặc chấm dứt việc ủy quyền thì việc ủy quyền cũng sẽ hết hiệu lực, do vậy sẽ không có loại trừ đối với khoản 3 Điều 15 của Điều lệ.</p>
	Điều 15.4:	<p>“c.Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường họp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên chậm nhất 24h trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được tập lại”</p>	<p>Sửa Điều 15.4 thành: “c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường họp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên chậm nhất 24h trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại”</p>	<p>Bổ sung để phù hợp với thực tế.</p>

<p>14.</p>	<p>Điều 17</p>	<p>Điều 17.2:</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty</p> <p>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>d. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>e. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên (nếu đã có danh sách ứng viên);</p> <p>f. Các công việc khác phục vụ Đại hội.</p>	<p>Sửa đề phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 137 của Luật DN và phù hợp với thực tế</p>
<p>Điều 17.3</p>	<p>“3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).”</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>“3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức báo đảm, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).”</p>	<p>- Thực tế Cty CP VI NA TA BA đã là công ty niêm yết, do vậy các quy định về công bố thông tin sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	

		<p>Điều 17.5:</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</p> <p>d. Các trường hợp khác</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất tại Khoản Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại Khoản 4 Điều này;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</p> <p>d. Các trường hợp khác:</p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11 Điều lệ.</p>
	<p>Điều 17.6, 17.7:</p> <p>“6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình”</p>	<p>Xóa toàn bộ</p>	<p>- Xóa Điều 17.6 vì trùng với nội dung tại Điều 17.3.e của Điều lệ.</p> <p>- Xóa Điều 17.7 vì nội dung này sẽ được cơ cấu vào Điều 20.4 – Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ để phù hợp với logic</p>	
<p>15.</p>	<p>Điều 18</p>	<p>Chưa cập nhập</p>	<p>Bổ sung Điều 18.4 : “4. Theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp, ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này”.</p>	<p>- Bổ sung phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 141 Luật DN</p>



16.	Điều 19	<p>Điều 19.1:</p> <p>“1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.”</p> <p>Chưa đề cập</p>	<p>Sửa Điều 19.1 thành:</p> <p>“1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.”</p>	<p>- Sửa phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 142 Luật DN</p>
		<p>Chưa đề cập</p>	<p>Bổ sung nội dung sau:</p> <p>“19.5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp”.</p>	<p>Bổ sung theo Điều 19.5 Điều lệ mẫu theo Thông tư 95</p>
		<p>Điều 19.6:</p> <p>“19.6 Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa trong trường hợp này là không quá ba (03) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.”</p>	<p>Xóa toàn bộ Điều 19.6 7 và sửa thành:</p> <p>“19.7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp”</p>	<p>Sửa theo Điều 19.7 Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 95</p>
		<p>Điều 19.7; 19.8; 19.9; 19.10; 19.11</p>	<p>Sửa thành Điều 19.7 8; 19.8 9; 19.9 10; 19.10 11; 19.11 12;</p>	<p>Sửa phù hợp với thứ tự trong điều lệ</p>
		<p>Thay cụm từ “Hội đồng quản trị”</p>	<p>Bảng cụm từ “Người triệu tập ĐHCĐ” tại các Điều 19.9, 19.10, 19.11</p>	<p>Theo quy định, Người triệu tập ĐHCĐ có thể là: HĐQT, BKS, nhóm cổ đông thiểu số</p>
		<p>Chưa đề cập</p>	<p>Bổ sung nội dung sau:</p> <p>19.13. Hàng năm, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 điều 136 Luật DN và khoản 4 Điều 8 ND 71</p>

17.	Điều 20	<p>“Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; các dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>“Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ loại cổ phiếu phân và số lượng cổ phiếu được chào bán tổng số cổ phần của từng loại; việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, các dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty; họp đồng, giao dịch quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này; được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p> <p>3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và có đồng có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho</p>	<p>- Sửa khoản 1 vi: Về nguyên tắc, việc thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ sẽ được thực hiện theo hai mức: 65% và 51%, ngoài những vấn đề phải thông qua với tỷ lệ 65% thì tất cả các vấn đề còn lại sẽ được thông qua với tỷ lệ 51%; việc bầu thành viên HĐQT, BKS sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Do vậy, diễn đạt lại phần này cho rõ ràng và dễ hiểu hơn.</p> <p>- Khoản 2 được sửa để đảm bảo các vấn đề quan trọng được thông qua với tỷ lệ 65%.</p> <p>- Khoản 3, 4, 5 được bổ sung theo Điều 144.3, Điều 148.2, Điều 144.5 của Luật DN nhằm quy định rõ ràng các nội dung trong Điều lệ để có cơ chế áp dụng thực tế.</p>
-----	---------	---	--	--

		<p>đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua hoặc được thay thế bằng việc đăng tải lên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm được thông qua."</p>	
--	--	--	--

18.	Điều 21	<p>Điều 21.1:</p> <p>“Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty”</p>	<p>Sửa Điều 21.1 thành:</p> <p>“1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền nghị quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, cụ thể gồm:</p> <p>a. <u>Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</u> b. <u>Định hướng, phát triển Công ty;</u> c. <u>Công ty phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;</u> d. <u>Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;</u> e. <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> f. <u>Quyết định thời hạn nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ;</u> g. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u> h. <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;</u> i. <u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</u> j. <u>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty</u> k. <u>Tổ chức lại, giải thể Công ty.</u> l. <u>Tất cả các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.</u></p>	<p>Bổ sung và sửa đổi để làm rõ hơn</p>
	<p>Điều 21.2:</p> <p>“2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết và các tài liệu kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.”</p>	<p>Sửa Điều 21.2 thành:</p> <p>“2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến [...]”</p>	<p>- Sửa “quyết định” thành “nghị quyết”.</p>	

		<p>Điều 21.4:</p> <p>“4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện</p> <p>a. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết”</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>“4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện</p> <p>a. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và con dấu của tổ chức đó. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty bằng hình thức gửi thư phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	<p>- Đoạn 1 và đoạn 2: bổ sung để làm rõ nghĩa.</p>
	<p>Điều 21.6:</p> <p>“6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin của công ty”</p>	<p>Xóa toàn bộ và thay thế thành:</p> <p>“6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu”</p>	<p>- Sửa theo mục c khoản 1 điểm 9 của thông tư 155/2015/TT-BTC.</p>	

19.	Điều 22	<p>“ Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>“ Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông [...];</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết [...];</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.</p> <p>2. <u>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</u></p> <p>2. 3 Biên bản [...].</p> <p>3 4 Chủ tọa [...].</p> <p><u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, hoặc công bố việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u></p> <p><u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</u></p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	<p>- Mục 1, 2 bổ sung theo mục 1, 3 Điều 154 của Luật DN.</p> <p>- Mục 4 được sửa theo mục c khoản 1 điểm 9 của thông tư 155/2015/TT-BTC.</p>
-----	---------	---	--	---

		<p>phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	
20.	<p>Điều 23</p> <p>“Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc bỏ Nghị quyết trong các trường hợp sau đây, hủy trường hợp sau đây:</p> <p>a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>“Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 21 của Điều lệ này.</p> <p>b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.”</p>	<p>- Khoản 1.a được sửa theo Điều 24.1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95.</p> <p>- Khoản 1.b được sửa theo Điều 147.2 Luật DN và theo Điều 24.1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95.</p>

21.	Điều 24 Điều 24	Chưa cập nhập	<p>Bổ sung nội dung sau:</p> <p><u>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</u></p> <p><u>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tới thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</u></p> <p><u>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</u></p> <p><u>b. Trình độ học vấn;</u></p> <p><u>c. Trình độ chuyên môn;</u></p> <p><u>d. Quá trình công tác;</u></p> <p><u>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</u></p> <p><u>f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</u></p> <p><u>g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</u></p> <p><u>h. Các thông tin khác (nếu có).</u></p> <p><u>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa</u></p>	Bổ sung theo Điều 11 ND 71/2017/ND-CP và điều 25.2 của Điều lệ mẫu theo thông tư 95.
-----	--------------------	---------------	---	--

			<p>bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. <u>Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị được bổ nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.</u></p>
--	--	--	--

	<p>“Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) và nhiều nhất là chín (09) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 60% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 60% đến dưới 80% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>“Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) và nhiều nhất là chín (09) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là tối đa không quá năm (05) năm. Thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, việc rút ngắn hoặc gia hạn thời hạn của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị tối đa không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 60% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 60% đến dưới 80% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề bầu cử theo pháp luật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 được sửa để phù hợp với Điều 150 Luật DN đồng thời phù hợp với thực tế quản trị. - Xóa Khoản 2 vì trùng với Khoản 2 Điều 24. - Khoản 3 Sửa theo Điều 11.3 Nghị định 71/2017/NĐ-CP - Điều b,d Khoản 4 được sửa theo Điều 156.1.b, c Luật DN. - Bổ sung Điều f vào Khoản 4 (tại dự thảo sửa đổi là Khoản 3) để đảm bảo tính quản trị của Công ty. - Xóa Khoản 5 vì theo Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 95 đã bỏ nội dung về bổ nhiệm tạm thời và trên thực tế thì UBCK và Sở GDCK đã không chấp nhận việc này nữa. - Xóa Khoản 8 vì trùng với Khoản 1 Điều này.
--	--	--	---

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau ngày tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản có đơn xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm [...] chúng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty."

8. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp

	<p>có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p> <p>6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p> <p>8. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba."</p>	<p><i>Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba."</i></p>	
<p>22.</p>	<p>“Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác</p>	<p>Sửa thành Điều 25-26:</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và người điều hành các cấp bộ quản lý khác.</p>	<p>Thay thế để phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p>
	<p>Điều 25.3.</p> <p>a Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</p>	<p>Sửa thành Điều 25-26.3:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của công ty;</p>	<p>Sửa để phù hợp thực tế vận hành của Công ty.</p>
	<p>Điều 25.3.i:</p> <p>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); quyết định [...].</p>	<p>Sửa thành Điều 25-26.3.i:</p> <p>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc các bộ quản lý của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng ký giữa Công ty với các những người bị bãi nhiệm (nếu có); quyết định [...].</p>	<p>Bổ sung căn cứ theo Điều 149.2.i của Luật DN</p>

		<p>Sửa thành Điều 25-26.3.j: Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành kinh doanh hàng ngày của công ty;</p> <p>Sửa thành Điều 25-26.3.g: “Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ người điều hành kinh doanh khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông thông qua”.</p> <p>Bổ sung 26.3: j. <u>Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> k. <u>Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;</u> l. <u>Quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; giá chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua có phiếu theo mức giá định trước;</u> m. <u>Quyết định giá chào bán cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</u></p> <p>Sửa thành Điều 25-26.5: “Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành kinh doanh kinh doanh và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty”</p>	<p>Thay thế đề phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p> <p>Sửa cụm từ “Hội đồng quản trị” thành “Đại hội đồng cổ đông” vì theo Điều 14.1 của Điều lệ việc thông qua BCTC thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ</p> <p>Được bổ sung phù hợp với thực tế Công ty và bổ sung mục l, m căn cứ theo Điều 14.2.a Nghị định 163/2018/NĐ-CP, theo đó HĐQT được quyền quyết định phát hành TP không chuyển đổi, TP không kèm chứng quyền</p> <p>Thay thế đề phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p>
<p>Điều 25.3.j: Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;</p> <p>Điều 25.3.g: “Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua”.</p> <p>Chưa cập nhập</p>	<p>Điều 25.3.j: Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;</p> <p>Điều 25.3.g: “Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua”.</p> <p>Chưa cập nhập</p>	<p>Sửa thành Điều 25-26.3.j: Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành kinh doanh hàng ngày của công ty;</p> <p>Sửa thành Điều 25-26.3.g: “Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ người điều hành kinh doanh khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông thông qua”.</p> <p>Bổ sung 26.3: j. <u>Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> k. <u>Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;</u> l. <u>Quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; giá chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua có phiếu theo mức giá định trước;</u> m. <u>Quyết định giá chào bán cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</u></p> <p>Sửa thành Điều 25-26.5: “Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành kinh doanh kinh doanh và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty”</p>	<p>Thay thế đề phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p> <p>Sửa cụm từ “Hội đồng quản trị” thành “Đại hội đồng cổ đông” vì theo Điều 14.1 của Điều lệ việc thông qua BCTC thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ</p> <p>Được bổ sung phù hợp với thực tế Công ty và bổ sung mục l, m căn cứ theo Điều 14.2.a Nghị định 163/2018/NĐ-CP, theo đó HĐQT được quyền quyết định phát hành TP không chuyển đổi, TP không kèm chứng quyền</p> <p>Thay thế đề phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p>
<p>Điều 25.5 “Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty”</p>	<p>Điều 25.5 “Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty”</p>	<p>Sửa thành Điều 25-26.5: “Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành kinh doanh kinh doanh và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty”</p>	<p>Thay thế đề phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p>

		<p>Điều 25.7</p> <p>“Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty”</p>	<p>Xóa toàn bộ</p>	<p>Sẽ được công bố chung thành mục riêng trong Báo cáo tài chính về phần chi phí trả chung cho HĐQT, BKS, TGD</p>
<p>23.</p>	<p>Điều 26</p>	<p>Điều 26.1:</p> <p>“Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên”</p>	<p>Sửa Điều 26.1 thành:</p> <p>“Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch HĐQT. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên”</p>	<p>- Theo Điều 152.1 Luật Doanh nghiệp thì việc bầu Chủ tịch HĐQT sẽ do HĐQT bầu và xóa bỏ nội dung sau vì khoản 2 theo điều 12 của ND 71: Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám Đốc (Tổng Giám Đốc) của cùng 1 công ty đại chúng.</p>
<p>24.</p>	<p>Điều 27</p>	<p>Điều 27.2:</p> <p>“Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần”</p>	<p>Bổ sung thêm Điều 27.5: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại và thực hiện các công việc khác theo sự phân công và ủy quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>Xóa bỏ</p>	<p>Bổ sung theo mục 1.e điều 64 Luật DN vì trong trường hợp này Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật công ty.</p> <p>Không cần thiết, Luật Doanh nghiệp cũng chỉ quy định về thời hạn gửi thông báo mời họp báo trước, về bản chất việc chuẩn bị chương trình nghị sự, địa điểm, thời gian đã được thực hiện trước khi gửi thông báo mời họp rồi.</p>

		<p>Điều 27.3: “<u>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</u> [...]”</p> <p>a. <u>Giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý khác.</u></p> <p>b. <u>Ít nhất (02) thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p>c. <u>Ban kiểm soát”</u></p>	<p>Sửa thành Điều 278.2: “<u>Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</u> [...]”</p> <p>a. <u>Giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý người điều hành doanh nghiệp khác.</u></p> <p>b. <u>Ít nhất (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị”</u>.</p> <p>c. <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</u></p> <p>d. <u>Ban kiểm soát”</u></p> <p><u>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>Sửa theo Điều 153 Luật DN</p>
	<p>Điều 27.4: “<u>Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp.</u> [...]”</p>	<p>Sửa thành Điều 278.43: “<u>3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 2 Điều 27 này.</u> [...]”</p>	<p>Cập nhật lại tham chiếu và sửa lại cho phù hợp với Điều 153.5 Luật DN</p>	
	<p>Điều 27.5: “<u>Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</u>”</p>	<p>Sửa thành Điều 278.54: “<u>4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</u>”</p>	<p>Sửa theo Điều 30.5 của Điều lệ mẫu theo Thông tư 95</p>	
	<p>Điều 27.6: “<u>6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</u>”</p>	<p>Sửa thành Điều 278.65: “<u>5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</u>”</p>	<p>Về nguyên tắc, việc lựa chọn địa điểm họp sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định tùy theo điều kiện tổ chức của Công ty</p>	

	<p>Điều 27.7:</p> <p>“7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. [...]”</p> <p>Điều 27.9:</p> <p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau: Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người đại diện; Tham dự và biểu quyết hoặc hình thức thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 27 [...]</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>Sửa thành Điều 278.76:</p> <p>“6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi ngày tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng <u>thư/thư điện tử/fax/văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. [...]</u>”</p> <p>Sửa thành Điều 278.98:</p> <p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 8 Điều 27 28, thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau: Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người đại diện; Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử môi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 8 Điều 27 28 [...]</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó</p>	<p>Sửa ngày theo Điều 153.6 LDN</p> <p>Sửa điểm 28.8.a theo điều lệ 30.11.a của Điều lệ mẫu theo Thông tư 95.</p> <p>Sửa điểm 28.c phù hợp số thứ tự thay đổi.</p>
--	---	---	--

		<p>Bổ sung Điều 27.28 10:</p> <p><u>“Tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức theo một trong các hình thức: họp trực tiếp; tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến; hoặc tổ chức lấy ý kiến thành viên từ xa bằng văn bản hoặc qua thư/fax/thư điện tử (email) hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp những phương thức này, hoặc hình thức tương tự khác.</u></p> <p><u>Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và/hoặc có mặt và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. <u>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u></p> <p>b. <u>Ủy quyền cho người khác đến dự họp (Việc ủy quyền này phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận).</u></p> <p>c. <u>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, hoặc tham gia có ý kiến từ xa qua thư/fax/thư điện tử (email) hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp những phương thức này, hoặc hình thức tương tự khác;</u></p> <p>d. <u>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u></p> <p><u>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.”</u></p>	<p>Được bổ sung theo Điều 153.9, 153.10 Luật DN</p>
<p>Chưa cập nhập</p>	<p>Điều 27.11</p> <p><u>“11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định”.</u></p>	<p>Sửa thành Điều 278.14 10 :</p> <p><u>“11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết được tổ chức theo quy định tại Khoản 10 Điều 28 trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định”.</u></p>	<p>Bổ sung vì chỉ có một nguyên tắc chung cho tất cả các hình thức họp HĐQT là nguyên tắc biểu quyết quá bán.</p>

		<p>Điều 27.13: “13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.”</p> <p>Điều 27.14: “14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp”.</p>	<p>Xóa toàn bộ</p> <p>Sửa thành Điều 278.14.12: “14.12. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi ngày chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản họp hội đồng quản trị phải có chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản (ngoại trừ trường hợp cuộc họp được tổ chức qua điện thoại như quy định tại Khoản 8 Điều này)”.</p>	<p>Xóa vì đã có nguyên tắc quy định tại Điều 28.10 nêu trên</p> <p>Bổ sung theo Điều 154 Luật DN</p>
25.	<p>Chương VIII</p> <p>Giám Đốc, Những Cán Bộ Quản lý khác và Thư ký Công ty</p>	<p>Chương VIII</p> <p>Giám Đốc, Những Cán Bộ Quản lý khác và Thư ký Công ty</p>	<p>Sửa thành Điều 278.16.15: “16.15. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiêu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty đầy đủ là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiêu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót”</p>	<p>Sửa theo Điều 31 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95</p> <p>Thay thế để phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p>

26.	Điều 28	<p>Điều 28: “Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Giám đốc điều hành, các Phó giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. [...]”</p>	<p>Sửa thành Điều 28.9: “[...] Công ty có một (01) Giám đốc điều hành, các Phó Giám đốc điều hành, Giám đốc tài chính và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. [...]”</p>	<p>Bổ sung chức danh “Giám đốc tài chính” vào bộ máy quản lý của Công ty để phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p>
27.	Điều 29	<p>Điều 29: 1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyên dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mãn nguyện để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành can-bộ-quản-ly khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.</p>	<p>Sửa thành Điều 29.30: 1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyên dụng người điều hành khác can-bộ-quản-ly cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành khác can-bộ-quản-ly phải có sự mãn nguyện để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành can-bộ-quản-ly khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.</p>	<p>Thay thế để phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p>

28.	Điều 30	<p>Điều 30</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được thông báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tại Đại hội đồng có đóng dấu và chữ ký của Giám đốc điều hành trong Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này được quy định tại Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng quản trị và Đại hội đồng có đóng dấu tư của Công ty đã được Giám đốc điều hành ký kết theo pháp luật của Công ty và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tố chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.</p> <p>c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Khi cần tuyển dụng và các loại người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành;</p> <p>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>e. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc điều hành phải <u>Chăm</u></p>	<p>Sửa thành Điều 30.31:</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tại Đại hội đồng có đóng dấu và chữ ký của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này được quy định tại Luật doanh nghiệp tại Công ty và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng có đóng, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng có đóng thông qua. Trường hợp Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Giám đốc được thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại.</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tố chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.</p> <p>c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Khi cần tuyển dụng và các loại người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành;</p> <p>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.</p> <p>e. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc điều hành phải <u>Chăm</u></p>	<p>- Sửa mục 1 vì thông tin sẽ được công bố chung thành mục riêng trong Báo cáo tài chính và phần chi phí trả chung cho HĐQT, BKS, TGD.</p> <p>- Sửa khoản 2,3 theo Điều 35 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95.</p> <p>- Bổ khoản b mục 3 vì trùng với khoản a mục 3.</p> <p>- Khoản 3, 4 sửa đổi để phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p>
-----	---------	---	--	--

	<p>e. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>g. Chuẩn bị [...];</p> <p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật;</p> <p>i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh</p> <p>4. Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc điều hành khi đa số dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bỏ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế.</p>	<p>nhất trong tháng cuối cùng của Quý I hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>g. Chuẩn bị [...];</p> <p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật.</p> <p>i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh</p> <p>4. Giám đốc điều hành và Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành và bỏ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế.</p>
--	--	--

29.	Điều 32	<p>Điều 32.1: “1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên và đồng thời không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.”</p>	<p>Sửa thành Điều 32 33.1: “1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty “là ba (03)” thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên và đồng thời không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.”</p> <p><u>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</u></p> <p>a. <u>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</u> b. <u>Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liên tiếp đó.”</u></p>	Sửa căn cứ theo Điều 20.2 Nghị định 71
		<p>Điều 32.1: “Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải bầu một (01) thành viên làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số (trên 50%). Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.”</p>	<p>Sửa thành: “Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải bầu một (01) người trong số các thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số (trên 50%). Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.”</p>	Khoản 2 sửa theo Điều 20.2 Nghị định 71

		<p>Điều 32: Chưa cập nhập</p>	<p>Bổ sung và sửa thành Điều 32 33: <u>“2. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</u> a. <u>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố lời thiêu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để có đồng có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</u> - <u>Trình độ học vấn;</u> - <u>Trình độ chuyên môn;</u> - <u>Quá trình công tác;</u> - <u>Các thông tin khác (nếu có).</u> 	<p>Điểm a Khoản 2 được bổ sung tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT quy định tại Điều 24 của Điều lệ.</p>
--	--	-----------------------------------	--	--

	<p>Điều 32:</p> <p>“2. Các cổ đông có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử một (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 60% được đề cử tới ba (03) ứng viên; từ 60% đến dưới 80% được đề cử tới đa ba (04) ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử tới đa năm (05) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử”.</p>	<p>Sửa thành Điều 32.33:</p> <p>2_b. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tới đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 60% được đề cử tới đa ba (03) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tới đa năm (05) ứng viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tới đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tới đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tới đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tới đa năm (05) ứng viên.</p> <p>3_c. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử”.</p>	<p>Mục b được bổ sung theo Điều 114.2 Luật DN;</p> <p>Mục c được sửa theo Điều 11.3 Nghị định 71.</p>
--	--	---	---

	<p>Điều 32.4:</p> <p>“4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.”</p>	<p>Sửa thành Điều 32.33.43:</p> <p>“4.3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm. Thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, việc rút ngắn hoặc gia hạn thời hạn của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.”</p>	<p>Bổ sung để làm rõ nghĩa trong cách diễn đạt.</p>
	<p>Điều 32.5:</p> <p>“5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rơi loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa thành Điều 32.33.5.4:</p> <p>“5.4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rơi loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa theo quy định Điều 169 Luật DN</p>

30.	Điều 33	<p>Điều 33.1</p> <p>“1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này”</p>	<p>Sửa thành Điều 33 34:</p> <p>“1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. <u>Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;</u></p> <p>d. <u>Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</u></p> <p>e. <u>Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</u></p> <p>f. <u>Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;</u></p> <p>g. <u>Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</u></p> <p>h. <u>Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;</u></p> <p>i. <u>Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.”</u></p>	Sửa theo Điều 165 Luật DN
-----	----------------	--	--	---------------------------

31.	Điều 33.2	<p>Điều 33.2</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa thành Điều 33 34.2</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành liên quan đến hoạt động của Công ty phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p>	Thay thế để phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.
32.	Chương X	<p>Chương X</p> <p>Nhiệm vụ của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Kiểm Soát, Giám Đốc Điều Hành và Cán Bộ Quản lý khác</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>Nhiệm vụ của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Kiểm Soát, Giám Đốc Điều Hành và Những Cán Bộ Quản lý Người Điều Hành khác.</p>	Thay thế để phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.
33.	Điều 34	<p>Điều 34</p> <p>“Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ của thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự”</p>	<p>Sửa thành Điều 34 35:</p> <p>“Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thân trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự”</p>	Thay thế để phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.

34.	<p>Điều 35</p>	<p>Điều 35</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích [...].</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo [...].</p> <p>“3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.”</p>	<p>Sửa thành Điều 35 36:</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích [...].</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo [...].</p> <p>“3. Không mâu thuẫn với quy định tại Khoản 4 Điều này, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khá người điều hành khác và những người cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Công ty và tổ chức có liên quan đến thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.”</p>	<p>- Khoản 1, 2 điều 36 sửa để phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p> <p>- Khoản 3 điều 36 Sửa theo Điều 26.4.a Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Điều 40.4 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>
-----	-----------------------	--	--	--

	<p>Điều 35.4,5,6,7</p> <p>4. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao</p>	<p>Xóa và thay thế bằng Điều 35.36.4</p> <p>4. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ.</p> <p>Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiêu bản liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiêu bản đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan.</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiêu bản trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện</p>	<p>Sửa theo Điều 40 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95</p>
--	---	---	---

dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên và các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

35.	Điều 34.8	<p>“8. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan”</p>	<p>Sửa thành Điều 35 36. 8 5</p> <p>“8. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, người điều hành án-bộ-quản-lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan”</p>	Thay thế đề phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.
36.	Điều 36	Điều 36.1	<p>“Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cân trọng. [...]”</p>	Thay thế đề phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.
37.	Điều 37	<p>Điều 37.1:</p> <p>“1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người đại diện yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một ban sao công chứng của giấy ủy quyền này.”</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền [...]”</p>	<p>Sửa Điều 37 38.1 thành:</p> <p>“1. Cổ đông phổ thông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 36 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người đại diện yêu cầu được kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông đó trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.”</p> <p>“2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và người điều hành án-bộ-quản-lý khác có quyền [...]”</p>	<p>- Mục 1 bổ sung theo khoản 1 Điều 42 Điều lệ Mẫu theo Thông tư số 95.</p> <p>- Mục 2 thay thế đề phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p>

		<p>Điều 37.3:</p> <p>“Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Đại hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.”</p>	<p>Sửa thành Điều 37.3:</p> <p>“Giám đốc Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.”</p>	<p>Về nguyên tắc, giấy tờ phải được lưu tại trụ sở của Công ty. Ngoài ra, không có quy định bắt buộc phải thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về nơi lưu trữ giấy tờ của Công ty.</p>
<p>38.</p>	<p>Điều 38</p>	<p>Điều 38.</p> <p>1. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyên dụng, [...]</p> <p>2. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyên dụng, [...]</p>	<p>Sửa thành Điều 38.39:</p> <p>1. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyên dụng, [...]</p> <p>2. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyên dụng, [...]</p>	<p>Thay thế để phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p>
<p>39.</p>	<p>Điều 41</p>	<p>Điều 41:</p> <p>“Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hàng năm”</p>	<p>Sửa thành Điều 41.42:</p> <p>“Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó”</p>	<p>Bổ sung theo Điều 46 Điều lệ Mẫu theo Thông tư số 95.</p>
<p>40.</p>	<p>Điều 42</p>	<p>Điều 42:</p> <p>“1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS)”</p>	<p>Sửa thành Điều 42.43:</p> <p>“1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận”</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 47 Điều lệ Mẫu theo Thông tư số 95.</p>

41.	Điều 43.5	<p>“5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp”.</p>	Xóa toàn bộ	<p>Theo quy định của pháp luật, BCTC của công ty đại chúng là tài liệu được công bố ra công chúng, do vậy những người quan tâm đều có thể tiếp cận thông qua website của công ty hoặc các website của UBCK NN.</p> <p>Ngoài ra không phải cứ cá nhân, tổ chức nào cũng có quyền yêu cầu công ty cung cấp trích lục, bản sao của BCTC nếu những người đó không phải là cổ đông công ty hoặc những chức danh được quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của Điều lệ.</p>
42.	Điều 45	<p>Điều 45.2</p> <p>“2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phân ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính”.</p>	<p>Sửa thành Điều 45 46 2:</p> <p>“2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phân ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính Công ty”.</p>	<p>Sửa theo mục c khoản 1 điểm 8 của thông tư 155/2015/TT-BTC.</p>
43.	Điều 46	<p>Điều 46</p> <p>“2. Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành”.</p>	<p>Sửa thành Điều 46 47:</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, người đại diện theo pháp luật của Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành”.</p>	<p>Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người đại diện cho công ty ký các văn bản giấy tờ và đóng dấu công ty lên chữ ký đó nên sẽ là người sử dụng con dấu</p>

44.	Điều 47	<p>“Điều 47. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>Sửa thành Điều 47 48:</p> <p>“Điều 48. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.”</p>	<p>Do đã bỏ quy định về thời hạn hoạt động và việc gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty tại Điều 2.6 và Điều 48 của Điều lệ nên phải sửa tương ứng.</p>
45.	Điều 48	<p>“Điều 48. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.”</p>	<p>Xóa toàn bộ</p>	<p>Điều 2.6 của Điều lệ đã quy định thời hạn hoạt động củ Công ty là vô thời hạn, vì vậy sẽ không có gia hạn.</p>
46.	Điều 49.1	<p>“1. Tới thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị [...]”</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>“1. Tới thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị [...]”</p>	<p>Sửa để phù hợp với Điều 2.6, Điều 48</p>

47.	Điều 50	<p>“1.b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp,”</p>	<p>Sửa thành: “1.b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay người điều hành khác <u>không</u> là <u>quản lý cao cấp</u>”</p>	<p>Thay thế để phù hợp với thực tế và sơ đồ mô hình tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.</p>
48.	Điều 52	<p>“Điều 52. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 52 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA ngày tháng ... năm 2019 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này từ ngày 14 tháng 8 năm 2019. 2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản [...]”</p>	<p>Sửa thành: 1. Bản điều lệ này gồm 21 <u>XXI</u> chương <u>51</u> 52 điều, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2019 tại [...]. 2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản [...]. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty <u>Chức tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phân hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u>”</p>	<p>Khoản 1 sửa do cập nhật lại số điều khoản so với dự thảo sau khi sửa. Khoản 4 sửa vì các tài liệu bản sao của Công ty chỉ cần có chữ ký của người đại diện theo pháp luật.</p>
49. Một số chỉnh sửa khác		<ul style="list-style-type: none"> - Sửa cụm từ “<u>hành viên HĐQT độc lập</u>” trong Điều lệ hiện hành thành “<u>thành viên độc lập HĐQT</u>” để phù hợp với quy định của Luật DN, Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 95/2017/TT-BTC. - Sửa cụm từ “<u>Giám đốc điều hành</u>” thành “<u>Giám đốc</u>” - Sửa cụm từ “<u>Cán bộ quản lý</u>” thành “<u>Người điều hành</u>” 		
50. Một số nội dung chỉnh sửa nhỏ khác (trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật) được thể hiện tại Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm.				

Trân trọng./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

